

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài  
chính số 25/2003/QĐ-BTC ngày  
01/3/2003 về việc bãi bỏ giá bán  
tối đa thép xây dựng.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính.*

*Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 17/VPCP-KTTH ngày 01 tháng 3 năm 2003 của Văn phòng Chính phủ về việc điều hành thị trường sắt, thép,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ giá tối đa thép xây dựng tại Quyết định số 20/1999/QĐ-BVGCP ngày 10/4/1999 và Văn bản số 23/BVGCP-TLSX ngày 09/01/2003 về giá bán thép xây dựng của Ban Vật giá Chính phủ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2003./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

NGUYỄN NGỌC TUẤN

**THÔNG TƯ số 15/2003/TT-BTC ngày  
07/3/2003 hướng dẫn về phí trông  
giữ xe đạp, xe máy, ô tô bị tạm giữ  
do vi phạm pháp luật về trật tự  
an toàn giao thông.**

*Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28/8/2001;*

*Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ về các giải pháp kiềm chế gia tăng và tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông, Bộ Tài chính hướng dẫn về phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô (gọi chung là phương tiện giao thông) bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông, như sau:*

**1. Đối tượng nộp phí.**

Đối tượng nộp phí trông giữ phương tiện giao thông theo hướng dẫn tại Thông tư này là người sử dụng phương tiện giao thông vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông bị tạm giữ phương tiện giao thông.

**2. Về mức thu phí.**

Theo quy định của Pháp lệnh Phí và lệ phí, Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí, lệ phí thì mức thu phí trông giữ phương tiện giao thông do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh) quy định. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể một số điểm như sau:

a) Đối với phương tiện giao thông bị tạm giữ, đưa vào các bãi trông giữ phương tiện của các đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện thì mức thu bao gồm cả khoản thuế giá trị gia tăng theo quy định.

b) Đối với phương tiện giao thông bị tạm giữ, đưa vào các kho, bãi của đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện thì mức thu không bao gồm thuế giá trị gia tăng quy định đối với dịch vụ trông giữ phương tiện.

Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã có văn bản quy định về phí trông giữ phương tiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã có văn bản quy định về giá dịch vụ trông giữ phương tiện đang áp



dụng tại địa phương, thì tiếp tục thực hiện theo mức thu đã được quy định.

Trường hợp địa phương chưa có quy định về phí hoặc giá dịch vụ trông giữ phương tiện thì Sở Tài chính - Vật giá khẩn trương nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức thu phí trông giữ phương tiện giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định sớm, đảm bảo thực hiện đúng quy định của Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19/11/2002 của Chính phủ.

Trường hợp phương tiện giao thông bị tạm giữ nhưng sau đó xác định người sử dụng phương tiện giao thông là không có lỗi trong việc vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông thì người sử dụng phương tiện giao thông không phải nộp phí trông giữ phương tiện. Nếu người sử dụng phương tiện đã nộp phí thì đơn vị thu phải hoàn trả lại tiền phí cho người sử dụng phương tiện. Trường hợp đơn vị thu là đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện thì đơn vị ra quyết định tạm giữ phải chi trả cho đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện khoản phí này từ khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ mà đơn vị được sử dụng.

### 3. Về chứng từ thu phí.

Đơn vị trông giữ phương tiện bị tạm giữ phải lập và cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp phí theo đúng quy định của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp phương tiện đưa vào các bãi trông giữ phương tiện của các đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện, khi thu phí, đơn vị phải lập và giao hóa đơn hoặc vé in sẵn mức thu cho đối tượng nộp phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng;

b) Đối với trường hợp bị tạm giữ, đưa vào các

kho, bãi của đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện, khi thu phí, đơn vị phải lập và cấp biên lai thu hoặc tem, vé in sẵn mức thu cho đối tượng nộp phí. Biên lai hoặc tem, vé thu phí đơn vị thu nhận tại cơ quan thuế địa phương nơi đơn vị thu đóng trụ sở chính. Việc sử dụng, quyết toán biên lai, tem, vé thu phí được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

### 4. Về quản lý, sử dụng tiền phí thu được.

a) Đối với phí do đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện thu là phí không thuộc ngân sách nhà nước, tiền phí thu được là doanh thu của đơn vị thu phí. Đơn vị thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được và có quyền quản lý, sử dụng số tiền thu phí sau khi đã nộp thuế theo quy định của pháp luật.

b) Đối với phí do đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện thu là phí thuộc ngân sách nhà nước, đơn vị thu phí được để lại một phần tiền phí thu được để trang trải chi phí. Phần tiền phí để lại cho đơn vị thu do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo hướng dẫn tại điểm 3, điểm 4, mục C, Phần III của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí. Đơn vị thu phí có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán số tiền phí còn lại vào ngân sách nhà nước theo quy định của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

### 5. Tổ chức thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các vấn đề khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí. Mọi quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có



ướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thứ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

## NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**QUYẾT ĐỊNH của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước số 69/2003/QĐ-NHNN ngày 22/01/2003 về việc bổ sung một số tài khoản vào hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng.**

### THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

*Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12-12-1997;*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05-11-2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính Ngân hàng Nhà nước,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Bổ sung một số tài khoản vào Hệ thống tài khoản kế toán các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 435/1998/QĐ-NHNN2 ngày 25-12-1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

**1. Bổ sung vào tài khoản 12 tài khoản cấp II 125 “Cho nước ngoài vay bằng ngoại tệ”, trong đó có các tài khoản cấp III sau:**

1251 - Nợ cho vay trong hạn và đã được gia hạn nợ

1252 - Nợ quá hạn đến 180 ngày có khả năng thu hồi

1253 - Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày có khả năng thu hồi

1258 - Nợ khó đòi

Các tài khoản này chỉ mở tại Tổ chức Tín dụng được Thống đốc NHNN cho phép thực hiện cho vay bằng ngoại tệ đối với Tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam và Tổ chức Tín dụng Việt Nam hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam với thời gian từ 12 tháng trở lên (sau đây gọi là Tổ chức Tín dụng ở nước ngoài).

Bên Nợ ghi: - Giá trị ngoại tệ cho Tổ chức Tín dụng ở nước ngoài vay.

Bên Có ghi: - Giá trị ngoại tệ Tổ chức Tín dụng ở nước ngoài trả nợ.

Số Dư Nợ: - Phản ánh giá trị ngoại tệ Tổ chức Tín dụng ở nước ngoài vay còn nợ Tổ chức Tín dụng.

Hạch toán chi tiết:

- Mở tài khoản chi tiết theo từng Tổ chức Tín dụng ở nước ngoài vay ngoại tệ.

**2. Bổ sung vào tài khoản 127 “Tiền lãi cộng dồn dự thu” tài khoản cấp III sau:**

1275 - Tiền lãi cộng dồn từ các khoản cho Tổ chức Tín dụng ở nước ngoài vay bằng ngoại tệ.

Tài khoản này dùng để hạch toán số lãi cộng dồn dự thu tính trên số tiền ngoại tệ cho Tổ chức Tín dụng ở nước ngoài vay mà Tổ chức Tín dụng sẽ được nhận khi đến hạn.

Bên Nợ ghi: - Số tiền lãi dự thu tính cộng dồn.

Bên Có ghi: - Số tiền lãi Tổ chức Tín dụng ở nước ngoài trả.

- Số tiền lãi đến kỳ hạn mà Tổ chức Tín dụng